

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Võ Thị M và ông Dương Văn Quý A chung sống tự nguyện từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy Ban nhân dân xã Phong Thạnh tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 285 ngày 16 tháng 12 năm 2002. Quá trình chung sống, đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống. Tháng 04 năm 2010, bà M có nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông A tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân thành phố Hồ Chí Minh, sau khi được tòa án hòa giải hai bên đã hòa giải đoàn tụ thành và Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2010/QĐST-HNGĐ-ĐT ngày 27/05/2010. Tuy nhiên sau khi

trở về chung sống sau đó đôi bên vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà Võ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Văn Quý A để các bên ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân bà M và ông A có 02 con chung tên Dương Thị Diễm M1 sinh ngày 23/07/1990 và Dương Võ Thị Minh T sinh ngày 15/12/1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Văn Quý A có ý kiến trình bày: ông A và bà M tự nguyện chung sống năm 1989 và có đăng ký kết hôn năm 2002 như đã nêu trên. Trong quá trình chung sống, ông A thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn gây cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống, tuy nhiên theo ông A đó là do nóng giận nhất thời và chỉ là những mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng. Bà M làm đơn ly hôn ông A không đồng ý ly hôn với lý do mâu thuẫn hai bên chưa đến mức phải ly hôn, đề nghị toà án cho thêm thời gian tự hòa giải và mong muốn bà M rút lại đơn ly hôn. Về con chung: đôi bên có 02 con chung tên Dương Thị Diễm M1 sinh ngày 23/07/1990 và Dương Võ Thị Minh T sinh ngày 15/12/1996 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông A không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 26/08/2025, bà Võ Thị M có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Ngày 27/08/2025, ông Dương Văn Quý A có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông A đồng ý với Đơn ly hôn của bà Võ Thị M, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn theo quy định của pháp luật, về con chung, tài sản chung và nợ chung ông A vẫn giữ nguyên ý kiến đã nêu trong bản khai và biên bản hòa giải, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 145 ngày 28/08/2025):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự..

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, bị đơn Dương Văn Quý A cư trú tại phường Gia Định thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường 1 quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2025.

[2] Về thủ tục:

Nguyên đơn Võ Thị M và bị đơn Dương Văn Quý Anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của bà M và ông A là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông A.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị M và ông Dương Văn Quý A tự nguyện chung sống từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy Ban nhân dân xã Phong Thạnh tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 285 ngày 16 tháng 12 năm 2002, nên quan hệ giữa bà M và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình chung sống bà M và ông A phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài thể hiện qua việc bà M có nộp đơn ly hôn với ông A tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2010, sau khi được tòa án hòa giải hai bên đã hòa giải đoàn tụ thành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2010/QĐST-HNGĐ-ĐT ngày 27/05/2010 để đôi bên có thêm thời gian khắc phục những bất đồng mâu thuẫn, tuy nhiên hai bên nhưng vẫn không khắc phục hàn gắn được với nhau và đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ, đồng thời đã cho thời gian để ông A tự hòa giải những bất đồng mâu thuẫn như đề nghị của ông nhưng đến khi xét xử các đương sự vẫn không hàn gắn được, điều đó cho thấy phương án hòa giải giải quyết mâu thuẫn giữa các bên của ông A không hiệu quả. Đồng thời, ngày 27/08/2025 ông Dương Văn Quý A có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung ông A đồng ý với Đơn ly hôn của bà Võ Thị M và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan hệ hôn nhân hạnh phúc bền vững phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông A đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Võ Thị M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong thời kỳ hôn nhân bà M và ông A có 02 con chung tên Dương Thị Diễm M1 sinh ngày 23/07/1990 và Dương Võ Thị Minh T sinh ngày 15/12/1996 đã đủ tuổi trưởng thành và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự xác định không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Võ Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Võ Thị M.

- Về hôn nhân: bà Võ Thị M được ly hôn với ông Dương Văn Quý A.

- Về con chung: các con chung tên Dương Thị Diễm M1 sinh ngày 23/07/1990 và Dương Võ Thị Minh T sinh ngày 15/12/1996 đã đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị M phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0053187 ngày 09/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh), bà M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5-TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 5-TP.HCM;
- UBND xã Phong Thạnh-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha